

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 633/2018/DS-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Hữu Đức
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Hòa Bình
 2. Bà Lê Thị Kim Em
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2017/TLST-DS ngày 05/12/2017 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường A, Phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Trường T; chức vụ: nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018) (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 555/17C, Tổ C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản không hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S có ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 27/9/2010 Bà H và Ngân hàng TMCP S tín có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.488.002 đồng

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.324.285 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 16/3/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 22.776.920 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại)

Tính đến ngày 23/11/2018 bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 22.776.920 đồng; nợ lãi là 50.904.315 đồng. Tổng cộng: 73.681.235 đồng

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Phạm Trường T đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H: **phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán** ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 23/11/2018 là: 73.681.235 đồng. Ngoài ra bà Hiệp phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 24/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2/Trường hợp bà Nguyễn Thị Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà H để thu hồi nợ vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niên yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vẫn không đến không có lý do nên tòa không ghi nhận được ý kiến và vẫn xét xử.

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức:

[1] Căn cứ theo Điều lệ của Ngân hàng TMCP S, văn bản ủy quyền số 1008/2018/UQ-TTT ngày 17/7/2018 của Tổng giám đốc thì ông Nguyễn Trường T đủ tư cách tham gia tố tụng.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vào ngày 07/11/2018, sau đó đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không cử người đại diện, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010 số tiền vay 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự.

[4] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H cư trú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

[5] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa như:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ H có đủ căn cứ khẳng định ngày 27/9/2010 bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nhận số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.488.002 (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn không trăm lẻ hai) đồng.

[6] Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê giao dịch và sự xác nhận của Ngân hàng TMCP S thì kể từ ngày vay vốn đến ngày 15/12/2012 bà H đã thanh toán một phần khoản vay cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng 18.324.285 đồng (Mười tám triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng). Sau đó không thanh toán thêm bất cứ số tiền nào cho đến nay. Như vậy, bà Nguyễn Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày Tòa án xét xử (ngày 23/11/2018) là 73.681.235 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng) là có căn cứ, nên chấp nhận.

[7] Xét về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010, cho đến nay bà Nguyễn Thị Mỹ H chỉ thanh toán một phần khoản nợ vay cho Ngân hàng TMCP S là đã vi phạm thỏa thuận thời hạn thanh toán mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần gửi thông báo, liên hệ, làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho bà H thanh toán, nhưng bà H cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện phía bà Nguyễn Thị Mỹ H vẫn không đến giải quyết cho thấy bị đơn không có thiện chí, việc kéo dài thời gian sẽ gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn. Vậy trước yêu cầu của Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H thanh toán ngay làm một lần là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Xét về mức lãi suất trong hạn là 30%/năm là không trái với thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010. Việc thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với quy định tại

Điều 91 luật tổ chức tín dụng năm 2010 và không trái với Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà Nước nên chấp nhận. Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 24/11/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010.

Về án phí:

[10] Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng phần tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức:

Xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả ngay làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn lãi 73.681.235 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng). Ngoài ra kể từ ngày 24/11/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ H còn phải trả thêm cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vay vốn ngày 27/9/2010 mà các bên đã thỏa thuận tương ứng với số tiền và thời gian trả xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.684.062 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S đã nộp là 1.743.479 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026076 ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng TMCP S, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THA DS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (X.Duyên).

Đinh Hữu Đức